

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 07-01 -2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 87 ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Thông báo dời ngày xét xử số 02/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Danh Xà P (Xà P1), sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Vào năm 2018 ông P có đến cơ sở của ông H mua vật tư nông nghiệp. Đến

ngày 25/12/2018 các bên cộng sổ thì ông P còn nợ ông Hùng số tiền là 15.000.000 đồng. Khi chốt nợ các bên có thỏa thuận ông P phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất là 2,5%/ tháng. Vào ngày 24/4/2019 ông P đã trả cho ông H được 10.000.000 đồng. Kể từ ngày 24/4/2019 cho đến nay ông P không thực hiện trả nợ. Trong phiên hòa giải ngày 06/11/2020 ông H yêu cầu ông P phải trả nợ là 14.916.000 đồng bao gồm cả nợ gốc là 10.287.000 đồng và nợ lãi phát sinh là 4.629.000 đồng.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu ông P trả số nợ 11.540.204 đồng, bao gồm tiền nợ mua bán là 8.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 3.040.204 đồng. Ngoài ra ông H yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến ngày ông Phép thi hành án xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Danh Xà P không có yêu cầu phản tố và có ý kiến trình bày như sau:

Ông P thừa nhận năm 2018 có đến cơ sở của ông H mua vật tư nông nghiệp. Vào ngày 25/12/2018 các bên chốt số nợ là 15.000.000 đồng. Đến ngày 24/4/2019 ông P đã trả được 10.000.000 đồng và tính đến nay còn nợ lại 5.000.000 đồng. Quá trình mua bán thiếu nợ các bên có thỏa thuận tính lãi, cụ thể mức lãi thế nào là do bên ông H tính.

Tại phiên hòa giải ngày 06/11/2020 ông P xin trả số nợ mua bán là 5.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi phát sinh là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng nhưng xin trả nợ trong thời gian 01 năm trả làm 02 lần theo hai vụ lúa. Trong phiên hòa giải ngày 08/12/2020 ông P yêu cầu Tòa án tính lại số nợ sau khi trừ số tiền đã trả vào ngày 24/4/2019 và yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Ông H và ông P cùng xác định vào năm 2018 ông P có mua thiếu vật tư nông nghiệp tại cơ sở của ông H với số tiền là 15.000.000 đồng, các bên cùng thống nhất đến ngày 24/4/2019 ông P đã trả cho ông H được 10.000.000 đồng.

Không thống nhất: Ông H cho rằng ông P còn nợ tiền mua bán là 8.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử là 3.040.204 đồng. Ông P xác định còn nợ tiền mua bán của ông H là 5.000.000 đồng, không chấp nhận nợ số nợ mà ông H yêu cầu.

Chứng cứ thu thập được:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 Biên bản hòa giải của ấp C, xã Đ được lập ngày 29/02/2020; 01 bản phô tô chi tiết tính lãi.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bảng chi tiết tính lãi có chữ ký của ông H.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Tòa án

ông H và ông P đều xác định vào năm 2018 ông P có đến cửa hàng của ông H mua vật tư nông nghiệp, các đương sự đều xác nhận hiện nay ông P còn nợ tiền mua bán của ông H mặc dù không thống nhất được với nhau về số nợ. Ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa ông H xác định ông P còn nợ 10.287.000 đồng tiền mua bán và yêu lãi suất chậm trả là 2,5% /tháng (tương ứng 30%/năm) tính từ ngày 24/4/2019 đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H xác định số nợ mua bán ông P còn nợ đến ngày 24/4/2019 là 8.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất được pháp luật cho phép. Trong quá trình giải quyết vụ án ông P cũng yêu cầu tính lại số nợ sau khi căn trừ số tiền 10.000.000 đồng đã trả vào ngày 24/4/2019 và yêu cầu điều chỉnh mức lãi theo quy định của pháp luật.

Như vậy, thời gian tính từ ngày 25/02/2018 đến ngày 24/4/2019 là (01 năm + 02 tháng), tiền lãi phát sinh theo quy định được tính như sau:

$$15.000.000 \text{ đồng} \times (01 \text{ năm} + 02 \text{ tháng}) \times 20\%/\text{năm} = 3.500.000 \text{ đồng}.$$

Tổng cộng nợ mua bán và tiền lãi phát sinh đến ngày 24/4/2019 là:

$$15.000.000 \text{ đồng nợ mua bán} + 3.500.000 \text{ đồng lãi phát sinh} = 18.500.000 \text{ đồng}.$$

Ngày 24/4/2019 ông P trả cho ông H 10.000.000 đồng, căn trừ tiền lãi 3.500.000 đồng thì ông P đã trả tiền nợ mua bán được 6.500.000. Như vậy đến ngày 24/4/2019 ông P còn nợ của ông H số tiền mua bán là (15.000.000 đồng – 6.500.000 đồng = 8.500.000 đồng).

Từ ngày 24/4/2019 đến ngày xét xử 07/01/2021 là (01 năm + 09 tháng + 14 ngày), số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật được tính như sau:

$$8.500.000 \text{ đồng} \times (01 \text{ năm} + 09 \text{ tháng} + 14 \text{ ngày}) \times 20\%/\text{năm} = 3.040.204 \text{ đồng}.$$

Như vậy, tính tới ngày xét xử là ngày 07/01/2021 số tiền ông P phải trả cho ông H gồm 8.500.000 đồng tiền nợ mua bán và 3.040.204 đồng tiền lãi chậm trả nợ, tổng

cộng là 11.540.204 đồng và cần buộc ông P phải trả cho ông H số tiền 11.540.204 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Ông H yêu cầu ông P phải thực hiện trả lãi đối với khoản tiền chậm thi hành án. Do đó kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án:

Ông P phải nộp án phí do yêu cầu khởi kiện của ông H được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: $11.540.204 \text{ đồng} \times 5\% = 577.010 \text{ đồng}$;

Ông H được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Danh Xà P (Xà P1) phải trả cho ông Lê Văn H số tiền 11.540.204 đồng (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, hai trăm linh bốn đồng), trong đó bao gồm 8.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền nợ mua bán và tiền

lãi chậm trả là 3.040.204 đồng (Ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn, hai trăm linh bốn đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Danh Xà P còn phải trả cho ông Lê Văn H khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí vụ kiện:

Ông Danh Xà P phải nộp án phí là 577.010 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm mười đồng).

Ông Lê Văn H được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006940 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/01/2021. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

